

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4053/VĐ-KD

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2026

V/v yêu cầu báo giá dược liệu,
vị thuốc cổ truyền năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu cung cấp dược liệu, vị thuốc cổ truyền năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
DS. Trần Thị Minh Đức, DS. Hà Tuấn Bảo, - Khoa Dược, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, số điện thoại 024.38.253.531/số máy lẻ 106.
- Bệnh viện tiếp nhận báo giá **đồng thời theo 2 hình thức**:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng 307, Tầng 3, nhà A3 - Khoa Dược, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức - Số 40 Tràng Thi, Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
 - Nhận qua email: vietchospatialmuasam@gmail.com.

(Lưu ý: Các đơn vị phải gửi báo giá đồng thời theo 2 hình thức nêu trên)

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 25 tháng 6 năm 2026 đến trước 17h ngày 06 tháng 7 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2026.**

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá (chi tiết như Phụ lục 1 đính kèm).
- Thành phần hồ sơ báo giá:
 - Báo giá theo mẫu như Phụ lục 2 đính kèm;
 - Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá;
 - Giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu của sản phẩm.
- Địa điểm cung cấp:
Kho của Khoa Dược, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức tại 03 cơ sở:
 - Cơ sở Tràng Thi: 40 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
 - Cơ sở Ngọc Hồi: Km13+500 Quốc lộ 1A, Ngọc Hồi, Hà Nội
 - Cơ sở Ninh Bình: Đường Lê Duẩn, Phủ Lý, Ninh Bình
- Thời gian giao hàng dự kiến: giao hàng thành nhiều đợt trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Tạm ứng: Không áp dụng
 - Phương thức thanh toán: Qua ủy nhiệm chi của kho bạc Nhà nước, 90 ngày kể từ ngày

bên bán cung cấp đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ (Hóa đơn, các chứng từ khác theo quy định hiện hành của kho bạc nhà nước).

6. Các thông tin khác:

- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm chi phí bàn giao, thuế VAT và các loại thuế khác theo quy định hiện hành.
- Điều kiện đảm bảo khác: Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu...

Rất mong nhận được sự tham gia của các hãng sản xuất, nhà cung cấp.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên; ✓
- Lưu: VT, KD.



PHỤ LỤC 1: DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG YÊU CẦU BÁO GIÁ
(kèm theo công văn số 4033/VĐ-KD ngày 25/6/2026)

STT	Tên dược liệu/ vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Đơn vị tính	Số lượng KH (12 tháng)
1	Ba kích	<i>Radix Morindae officinalis</i>	2	Rễ	Thuốc phiến khô (bỏ lõi, cắt đoạn ngắn)	Gam	20.000
2	Bá tử nhân	<i>Semen Platycladi orientalis</i>	2	Hạt	Hạt trong "nón cái" già được phơi hay sấy khô	Gam	5.000
3	Bạc hà	<i>Herba Menthae</i>	2	Toàn thân trên mặt đất	Toàn thân trên mặt đất đã phơi hay sấy khô	Gam	5.000
4	Bách bộ	<i>Radix Stemonae tuberosae</i>	2	Rễ	Rễ đã phơi hay sấy khô	Gam	10.000
5	Bạch chi	<i>Radix Angelicae dahuricae</i>	2	Rễ	Thuốc phiến khô (phiến dày 1 - 2mm)	Gam	10.000
6	Bách hợp	<i>Bulbus Lilii</i>	2	Vảy lấy ở thân	Vảy lấy ở thân đã sơ chế, phơi khô	Gam	5.000
7	Bạch linh	<i>Poria</i>	2	Cả khối nấm	Thuốc phiến khô (thái miếng nhỏ hình khối)	Gam	80.000
8	Bạch mao căn	<i>Rhizoma Imperatea cylindrica</i>	2	Rễ	Rễ cắt thành đoạn 3 - 4 cm phơi khô	Gam	5.000
9	Bạch thực	<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>	2	Củ	Thuốc phiến khô (phiến dày 0.5- 1 mm)	Gam	105.000
10	Bạch truyệt sao cám mật ong	<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae praeparatum</i>	2	Thân rễ	Sao cám mật ong	Gam	62.000
11	Bán hạ tằm gừng	<i>Rhizoma Pinelliae praeparatum</i>	3	Thân rễ	Tằm gừng	Gam	10.000
12	Bình vôi	<i>Tuber Stephaniae</i>	2	Rễ, củ	Rễ, củ thái phiến, phơi sấy khô	Gam	10.000
13	Can khương	<i>Rhizoma Zingiberis</i>	3	Thân rễ	Thuốc phiến khô (phiến dài 1- 2mm)	Gam	2.000
14	Cát căn	<i>Radix Pueraria thomsonii</i>	2	Rễ	Thuốc phiến khô (phiến dày 1.5- 2mm)	Gam	15.000
15	Cát cánh	<i>Radix Platycodi grandiflori</i>	2	Rễ	Phơi hoặc sấy khô	Gam	2.000
16	Câu đằng	<i>Ramulus cum unco Uncariae</i>	2	Cành có móc câu	Phơi hoặc sấy khô	Gam	30.000
17	Câu kỳ tử	<i>Fructus Lycii</i>	2	Quả	Quả chín phơi hay sấy khô	Gam	65.000

STT	Tên dược liệu/ vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Đơn vị tính	Số lượng KH (12 tháng)
18	Cầu tích	<i>Rhizoma Cibotii</i>	2	Thân rễ	Thân rễ đã loại bỏ lông và phơi hay sấy khô	Gam	40.000
19	Chi tử sao qua	<i>Fructus Gardeniae praeparatus</i>	2	Quả	Hạt của quả chín phơi hoặc sấy khô. Sao qua	Gam	15.000
20	Chi xác	<i>Fructus A urantii</i>	2	Quả chưa chín	Bỏ ruột, hạt, thái lát ngang, phơi hoặc sấy khô	Gam	10.000
21	Cốt toái bồ chính rượu	<i>Rhizoma Drynariae praeparatum</i>	2	Thân rễ	Thân rễ loại hết vỏ bần và lông nhỏ, phơi hay sấy khô. Chích rượu	Gam	100.000
22	Cúc hoa	<i>Flos Chrysanthemi indicii</i>	2	Cụm hoa	Phơi hay sấy khô	Gam	30.000
23	Dâm dương hoắc	<i>Herba Epimedii</i>	2	Phần trên mặt đất	Phơi hoặc sấy khô	Gam	5.000
24	Đan sâm	<i>Radix et Rhizoma Salviae mitiorrhizae</i>	2	Rễ	Rễ phơi hay sấy khô	Gam	42.000
25	Đàng sâm chích gừng	<i>Radix Codonopsis praeparata</i>	2	Rễ	Chích gừng.	Gam	85.000
26	Đào nhân sao vàng bỏ vỏ	<i>Semen Pruni praeparatum</i>	2	Hạt lấy ở quả chín	Sao vàng bỏ vỏ	Gam	9.000
27	Dây đau xương	<i>Ca lilis Tinosporae sinensis</i>	2	Thân	Thân đã thái phiến phơi hay sấy khô	Gam	100.000
28	Độc hoạt	<i>Radix Angelicae pubescentis</i>	2	Rễ	Rễ phơi hay sấy khô	Gam	70.000
29	Đương quy chích rượu	<i>Radix Angelicae sinensis praeparata</i>	2	Rễ	Chích rượu	Gam	80.000
30	Hạ khô thảo	<i>Spica Prunellae</i>	2	Quả	Cụm quả đã phơi hay sấy khô	Gam	10.000
31	Hà thủ ô đỏ chế đậu đen	<i>Radix Fallopiae multiflorae praeparata</i>	2	Rễ	Thuốc phiến khô (phiến dày 1- 2mm). Chế đậu đen	Gam	80.000
32	Hắc phụ tử	<i>Radix Aconiti lateralis praeparata</i>	2	Rễ củ	Chế magnesi clorid.	Gam	10.000
33	Hậu phác	<i>Cortex Magnoliae officinalis</i>	2	Vỏ thân, vỏ rễ, vỏ cành	Vỏ thân, vỏ rễ, vỏ cành phơi hay sấy khô	Gam	10.000
34	Hoài sơn	<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>	2	Củ	Rễ củ cạo bỏ vỏ được phơi hay sấy khô	Gam	80.000
35	Hoàng bá	<i>Cortex Phellodendri</i>	2	Vỏ thân	Thuốc phiến khô (lát thái mỏng)	Gam	5.000

STT	Tên dược liệu/ vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Đơn vị tính	Số lượng KH (12 tháng)
36	Hoàng cầm chích rượu	<i>Radix Scutellariae praeparata</i>	2	Rễ	Thuốc phiến khô (phiến dày khoảng 2mm). Chích rượu	Gam	5.000
37	Hoàng kỳ	<i>Radix Astragali membranacei</i>	2	Rễ	Thuốc phiến khô (phiến dày 1.5- 2mm)	Gam	55.000
38	Hoàng kỳ chích mật	<i>Radix Astragali membranacei praeparata</i>	2	Rễ	Chích mật ong	Gam	50.000
39	Hoàng liên	<i>Rhizoma Coptidis</i>	2	Thân rễ	Thuốc phiến khô (phiến dày 1.5- 2mm)	Gam	2.000
40	Hồng Hoa	<i>Flos Carthami tinctorii</i>	2	Cánh hoa	Thuốc phiến khô (cánh hoa to nhỏ, màu hồng)	Gam	10.000
41	Huyền hồ sách	<i>Tuber Corydalis</i>	2	Rễ củ	Rễ củ phơi hay sấy khô	Gam	20.000
42	Hy thiêm	<i>Herba Siegesbeckiae</i>	2	Phần trên mặt đất	Lá phơi hay sấy khô	Gam	35.000
43	Ích trí nhân	<i>Fructus Alpiniae oxyphyllae</i>	2	Quả	Quả chín phơi hay sấy khô	Gam	5.000
44	Kê huyết đằng	<i>Caulis Spatholobi suberecti</i>	2	Thân	Thuốc phiến khô (phiến dày khoảng 2mm)	Gam	100.000
45	Kha tử	<i>Fructus Terminaliae chebulae</i>	2	Quả	Quả chín phơi hay sấy khô	Gam	2.000
46	Khô hạnh nhân sao vàng bỏ vỏ	<i>Semen Armeniacae amarum praeparatum</i>	2	Nhân của hạt quả chín	Nhân của hạt quả chín phơi khô. Sao vàng bỏ vỏ	Gam	7.000
47	Khô sâm	<i>Folium et Ramulus Crotonis tonkinensis</i>	2	Lá và cành	Lá và cành phơi hay sấy khô	Gam	5.000
48	Khoản đông hoa	<i>Flos Tussilaginis farfarae</i>	2	Cụm hoa	Cụm hoa chưa nở đã phơi hay sấy khô	Gam	5.000
49	Khương hoàng	<i>Rhizoma Curcumae longae</i>	2	Thân rễ	Thân rễ đã phơi hay sấy khô hoặc đồ chín.	Gam	20.000
50	Khương hoạt	<i>Rhizoma et Radix Notopterygii</i>	2	Thân rễ và rễ	Thuốc phiến khô (phiến mỏng hoặc đoạn ngắn sạch, màu nâu đen)	Gam	27.000
51	Kim anh	<i>Fructus Rosae laevigatae</i>	2	Quả	Quả già đã phơi hay sấy khô	Gam	5.000
52	Kim ngân hoa	<i>Flos Lonicerae</i>	2	Hoa	Nụ hoa có lẫn một số hoa phơi hay sấy khô	Gam	10.000
53	Kim tiền thảo	<i>Herba Desmodii styracifolii</i>	2	Phần trên mặt đất	Phần trên mặt đất đã phơi hay sấy khô	Gam	4.000

STT	Tên dược liệu/ vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Đơn vị tính	Số lượng KH (12 tháng)
54	Kinh giới	<i>Herba Elsholtziae ciliatae</i>	3	Đoạn ngọn cành mang lá, hoa	Cắt đoạn	Gam	5.000
55	Lá khô	<i>Folium Ardisiae</i>	2	Lá	Lá đã phơi hay sấy khô	Gam	37.000
56	Lạc tiên	<i>Herba Passiflorae foetidae</i>	2	Phần trên mặt đất	Phần trên mặt đất đã phơi hay sấy khô	Gam	45.000
57	Liên kiều	<i>Fructus Forsythiae suspensae</i>	2	Quả	Quả chín đã phơi hay sấy khô	Gam	10.000
58	Liên nhục	<i>Semen Nelumbinis nuciferae</i>	2	Hạt	Hạt còn màng mỏng của quả già đã phơi hay sấy khô	Gam	60.000
59	Mạch môn	<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>	2	Rễ củ	Rễ củ đã phơi hay sấy khô	Gam	13.000
60	Mạch nha	<i>Fructus Hordei germinatus</i>	2	Quả	Quả chín nảy mầm phơi khô	Gam	10.000
61	Mạn kinh tử	<i>Fructus Viticis trifoliae</i>	2	Quả	Quả chín đã phơi hay sấy khô	Gam	10.000
62	Mẫu đơn bì	<i>Cortex Radicis Paeoniae suffruticosae</i>	2	Vỏ rễ	Vỏ rễ phơi hay sấy khô, bỏ lõi	Gam	17.000
63	Mộc hương	<i>Radix Saussureae lappae</i>	2	Rễ	Rễ đã phơi hay sấy khô	Gam	10.000
64	Mộc qua	<i>Fructus Chaenomelis</i>	2	Quả	Thái phiến mỏng khoảng 2-3mm, dài 2- 4cm.	Gam	10.000
65	Một dược	<i>Myrrha</i>	2	Gôm nhựa	Chất gôm nhựa lấy từ cây	Gam	5.000
66	Ngọc trúc	<i>Rhizoma Polygonati odorati</i>	2	Thân rễ	Thân rễ đã phơi hay sấy khô	Gam	5.000
67	Ngũ gia bì chân chim	<i>Cortex Schefflerae heptaphyllae</i>	2	Vỏ thân, vỏ cành	Sấy khô/ Thái phiến	Gam	18.000
68	Ngưu tất	<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>	2	Rễ	Rễ đã phơi hay sấy khô	Gam	80.000
69	Nhũ hương	<i>Gummi resina Olibanum</i>	2	Gôm nhựa	Chất gôm nhựa lấy từ cây	Gam	5.000
70	Ô dược	<i>Radix Linderae</i>	2	Rễ	Rễ đã phơi hay sấy khô	Gam	14.000
71	Ô tặc cốt	<i>Os Sepiae</i>	2	Mai mực	Mai mực rửa sạch phơi sấy khô	Gam	20.000

STT	Tên dược liệu/ vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Đơn vị tính	Số lượng KH (12 tháng)
72	Phòng phong	<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>	2	Rễ	Thuốc phiến khô (phiến dày 1- 2mm)	Gam	50.000
73	Phục thần	<i>Poria</i>	2	Thẻ quả nấm (có lõi là rễ cây Thông)	Thẻ quả nấm (có lõi là rễ cây Thông) đã phơi hay sấy khô	Gam	10.000
74	Quế chi	<i>Ramulus Cinnamomi</i>	2	Cành	Cành chặt khúc dài 2cm - 4cm, đường kính 0.3cm - 1cm, vỏ ngoài hoặc cắt cuộn tròn thành ống	Gam	35.000
75	Quế nhục	<i>Cortex Cinnamomi</i>	2	Vỏ	dài 5cm - 50cm, ngang 1.5cm - 8cm	Gam	5.000
76	Sa sâm	<i>Radix Glehniae</i>	2	Rễ	Rễ đã phơi hay sấy khô	Gam	9.000
77	Sài hồ	<i>Radix Bupleuri chinensis</i>	2	Rễ	Rễ, thân phơi hay khô	Gam	30.000
78	Sinh địa	<i>Radix Rehmanniae glutinosa</i>	2	Rễ củ	Rễ củ phơi ráo, sấy ở nhiệt độ 40-50°C, trong khoảng 3-4 ngày cho đến khi lên	Gam	27.000
79	Sinh khương	<i>Rhizoma Zingiberis recens</i>	2	Thân rễ	Thân rễ tươi (củ)	Gam	5.000
80	Son thù	<i>Fructus Corni officinalis</i>	2	Quả chín bỏ hạt	Quả gần chín đã bỏ hạt phơi hay sấy khô	Gam	10.000
81	Son tra sao qua	<i>Fructus Mali praeparatus/ Fructus Crataegi praeparatus</i>	2	Quả	Quả chín đã thái miếng được phơi hay sấy khô. Sao qua	Gam	10.000
82	Tân di	<i>Flos Magnoliae liliflorae</i>	3	Hoa	Hoa còn búp phơi hay sấy khô	Gam	5.000
83	Tang bạch bì	<i>Cortex Mori albae radiceis</i>	2	Vỏ rễ	Vỏ rễ đã cạo lớp bần phơi hay sấy khô	Gam	5.000
84	Tang chi	<i>Ramulus Mori albae</i>	2	Cành	Cành được phơi hay sấy khô	Gam	10.000
85	Tang ký sinh	<i>Herba Loranthi Gracifilolii</i>	2	Cây trừ rễ	Những đoạn thân, cành, lá đã phơi khô	Gam	55.000
86	Táo nhân sao đen	<i>Semen Ziziphi mauritianaes praeparatum</i>	2	Hạt	Hạt đã già được phơi hay sấy khô, sao đen	Gam	60.000
87	Tế tân	<i>Radix et Rhizoma Asari</i>	2	Rễ và thân rễ	Thuốc phiến (đoạn dài khoảng 2cm)	Gam	5.000
88	Thạch quyết minh	<i>Concha Halitidis</i>	2	Vỏ	Loại bỏ tạp chất, rửa sạch để ráo, phơi hoặc sấy khô, đập đập hoặc đập thành	Gam	10.000
89	Thạch xương bồ	<i>Rhizoma Acori graminei</i>	2	Thân rễ	Thân rễ đã phơi sấy khô	Gam	5.000
90	Thăng ma	<i>Rhizoma Cimicifugae</i>	2	Thân rễ	Thân rễ đã phơi hay sấy khô	Gam	5.500
91	Thảo quyết minh sao vàng	<i>Semen Cassiae torae praeparatum</i>	2	Hạt	Hạt già đã phơi hay sấy khô, sao cháy	Gam	45.000
92	Thiên hoa phấn	<i>Radix Trichosanthes Kirilowii</i>	2	Rễ	Rễ rửa sạch, cạo bỏ vỏ ngoài, phơi hay sấy khô	Gam	8.000

STT	Tên dược liệu/ vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Đơn vị tính	Số lượng KH (12 tháng)
93	Thiên ma	<i>Rhizoma Gastrodiae elatae</i>	2	Thân rễ	Thân rễ phơi hay sấy khô	Gam	10.000
94	Thiên niên kiện	<i>Rhizoma Homalomenae occultae</i>	2	Thân rễ	Ủ mềm, thái lát, phơi trong bóng râm hoặc sấy nhẹ đến khô	Gam	36.000
95	Thỏ phục linh	<i>Rhizoma Smilacis glabrae</i>	2	Thân rễ	Thuốc phiến (phiến khô, sạch, dày khoảng 1mm)	Gam	50.000
96	Thông thảo	<i>Medulla Tetrapanacis papyrifera</i>	2	Lõi thân	Lõi thân khô của cây	Gam	3.000
97	Thục địa	<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>	2	Rễ củ	Thuốc phiến (phiến dẻo nhuộm dày khoảng 5mm)	Gam	40.000
98	Thương truật sao qua	<i>Rhizoma Atractylodis praeparatum</i>	2	Thân rễ	Sao qua	Gam	35.000
99	Thuyền thoái	<i>Periostracum Cicadae</i>	2	Vỏ xác	Đã phơi hoặc sấy khô	Gam	3.000
100	Tô tử	<i>Fructus Perillae frutescens</i>	2	Quả	Quả chín già phơi hay sấy khô	Gam	5.000
101	Trạch tả trích muối	<i>Rhizoma Alismatis praeparatum</i>	2	Thân rễ	1 nước pnen (pnen dày 1 - 2mm, tấm, sao, màu vàng ngà). Chếb muối	Gam	20.000
102	Trần bì	<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>	2	Vỏ quả	Vỏ quả chín đã phơi hoặc sấy khô để lâu năm	Gam	20.000
103	Tri mẫu	<i>Rhizoma Anemarrhenae</i>	2	Thân rễ	Thân rễ phơi hay sấy khô	Gam	10.000
104	Trư linh	<i>Polyporus</i>	2	Hạch nấm	Hạch nấm đã phơi hay sấy khô	Gam	5.000
105	Tử uyển	<i>Radix et Rhizoma Asteris tatarici</i>	2	Rễ và thân rễ	Rễ và thân rễ phơi hay sấy khô	Gam	5.000
106	Tục đoạn	<i>Radix Dipsaci</i>	2	Rễ	1 nước pnen (tạt mỏng khô, sạch, hoặc đoạn dài khoảng 2mm)	Gam	95.000
107	Tỳ giải	<i>Rhizoma Dioscoreae</i>	2	Thân rễ	Thân rễ phơi hay sấy khô	Gam	5.000
108	Uy linh tiên	<i>Radix et Rhizoma Clematidis</i>	2	Rễ và thân rễ	Rễ, thân rễ phơi hay sấy khô	Gam	75.000
109	Viễn chí	<i>Radix Polygalae</i>	2	Rễ	Rễ phơi hay sấy khô	Gam	42.000
110	Xa tiền tử	<i>Semen Plantaginis</i>	2	Hạt	Hạt đã phơi hay sấy khô	Gam	10.000
111	Xuyên bối mẫu	<i>Bulbus Pritillariae</i>	2	Thân hành (Củ)	Thân hành đã phơi hay sấy khô	Gam	10.000
112	Xuyên khung	<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>	2	Thân rễ	Thân rễ đã phơi hay sấy khô	Gam	20.000
113	Ý dĩ sao vàng với cám	<i>Semen Coicis praeparata</i>	2	Hạt	Sao vàng với cám	Gam	52.000

Tổng số: 113 khoản

PHỤ LỤC 2 - MẪU BÁO GIÁ
(kèm theo công văn số 4033/VĐ-KD ngày 25/6/2026)

Kính gửi: BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, Chúng tôi... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá các mặt hàng thuốc như sau:

STT theo Yêu cầu báo giá	STT Tên dược liệu/ Vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Nhóm thuốc	Nguồn gốc	Đơn vị tính	Số ĐK/LH/ GPNK; Số GACP; Số công bố TCCL hoặc phiên bản Dược điển áp dụng	Cơ sở sản xuất	Cơ sở cung cấp	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1													
2													
n	...												

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2026

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các mặt hàng nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.
- 4. Thông tin của người phụ trách làm báo giá [ghi cụ thể tên và số điện thoại liên hệ].

..., ngày... tháng... năm...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

